

Nghi Sơn, ngày 08 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty Kinh doanh thuốc

Hiện nay, Bệnh viện đang có kế hoạch mua sắm thuốc sử dụng tại Bệnh viện năm 2024-2025. Nhằm mục đích xây dựng giá dự toán lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu Bệnh viện trân trọng kính mời Quý công ty tham gia báo giá cung cấp, cụ thể:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn.
2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Lê Thị Nga, khoa dược, điện thoại: 0973.961.168

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại: Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn – Tổ dân phố Xuân Hòa – Phường Hải Hòa – Thị xã Nghi Sơn – Tỉnh Thanh Hóa.

- Đồng thời gửi bản mềm có đầy đủ chữ ký, đóng dấu, file Excel qua địa chỉ gmail: khoaduoc.bvkvgtg@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h00 ngày 09 tháng 8 năm 2024 đến trước 8h00 ngày 24 tháng 8 năm 2024.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2024.

6. Danh mục mặt hàng và mẫu báo giá

(có danh mục theo phụ lục đính kèm)

Lưu ý: trường hợp công ty báo giá tăng đột biến so với kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng đề nghị giải trình ghi rõ lý do cụ thể.

Rất mong Quý Công ty quan tâm tham gia báo giá.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KD



Lê Kim Đức

PHỤ LỤC I: DANH MỤC THUỐC DỰ KIẾN MUA SẮM
(Kèm theo công văn số 846/TM-BVNS ngày 08 tháng 8 năm 2024)



I. DANH MỤC THUỐC GENERIC

Số TT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng
1	1	Gabapentin	300mg	Viên nang, uống	Viên	8,300
2	3	Pregabalin	75mg	Viên nang, Uống	Viên	1,500
3	1	Aciclovir	200mg	Viên nang Uống	Viên	1,000
4	4	Aciclovir	200mg	Viên nang Uống	Viên	1,000
5	4	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Thuốc mỡ, (19,2mg+ 900mgmg)/30g	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	800
6	4	Acid fusidic + Betamethason	0,75mg; 15g	Thuốc dùng ngoài	Tuýp/Lọ	1,870
7	4	Mupirocin	0,1g/5g	Thuốc dùng ngoài	Tuýp/Lọ	550
8	4	Hyoscin butylbromid	20mg/ml; 2ml	Thuốc tiêm	Lọ	3,900
9	4	Drotaverin hydroclorid	40mg/2ml	Thuốc tiêm	Ống	10,000
10	4	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	21,41g +7,89g/ 133ml	Thuốc thực hậu môn/trực tràng	Lọ	130
11	3	Alfuzosin	5mg	Viên, uống	Viên	3,100
12	3	Alfuzosin	10mg	Viên, uống	Viên	10,000
13	1	Insulin trộn hỗn hợp	100UI/ml x 3ml, (20/80)	Thuốc tiêm	Ống	3,000
14	1	Insulin trộn hỗn hợp	40UI/ml x 10ml (30/70)	Thuốc tiêm	Lọ	6,000
15	1	Insulin tác dụng trung bình, trung gian	40UI/ml x 10ml	Thuốc tiêm	Lọ	3,000
16	1	Insulin tác dụng nhanh, ngắn	40UI/ml x 10ml	Thuốc tiêm	Lọ	10
17	1	Insulin trộn hỗn hợp	1000UI/10ml (30/70)	Thuốc tiêm	Lọ	3,000
18	5	Insulin tác dụng trung bình, trung gian	1000 UI/10ml	Thuốc tiêm	Lọ	2,000
19	1	Insulin trộn hỗn hợp	300UI/3ml (30/70)	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bút tiêm	4,000

20	1	Human hepatitis B immunoglobulin	180UI/1ml	Thuốc tiêm	Lọ	100
21	4	Tenofovir (TDF)	300mg	Viên, uống	Viên	18,000
22	2	Tenofovir (TDF)	300mg	Viên, uống	Viên	20,000
23	4	Natri hyaluronat	1mg/ml; 6ml	Thuốc nhỏ mắt	Lọ/Ống	2,000
24	4	Polyethylen glycol + Propylen glycol	0,4% + 0,3%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Ống	2,600
	4	Acetazolamid	250mg	Viên, uống	Viên	5,000
26	1	Timolol 5mg	5mg/ml	Nhỏ mắt	Lọ	100
27	1	Brinzolamide + Timolol	10mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Lọ	25
28	1	Brinzolamide	10mg/ml	Nhỏ mắt	Lọ	50
29	1	Proparacain hydroclorid	5mg/ml	Nhỏ mắt	Lọ	100
30	4	Meclophenoxat	250mg	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	20,500
31	4	Acetyl Leucin	1000mg/10ml	Thuốc tiêm	Ống	15,000
32	1	Salmeterol + fluticason propionat	25mcg + 125mcg	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình xịt	1,700
33	5	Salmeterol + fluticason propionat	25mcg + 250mcg	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình xịt	430
34	4	Vitamin A + D2 (Vitamin A + D3)	2000UI + 250UI	Viên nang, uống	Viên	50,000
35	5	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	100mg, 50mg, 1000mcg	Thuốc tiêm	Ống	15,000
36	4	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	50mg+250mg+5mg	Thuốc tiêm	Ống	5,000
37	1	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	100mg + 100mg + 1000mcg; 2ml	Thuốc tiêm	Ống	5,000
38	5	Erythropoietin	4000IU/0.4ml	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1,000
39	4	Erythropoietin	2000 IU/ 1ml	Thuốc tiêm	Lọ	1,000
40	4	Erythropoietin	4000 IU/1ml	Thuốc tiêm	Lọ	600
II. DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ TRUYỀN						
STT	I. Nhóm thuốc thanh nhiệt, giải độc, tiêu ban, lợi thủy					
1	1	Diệp Hạ Châu	450mg	Viên nang, Uống	Viên	90,000
2	3	Actiso, Rau má.	40mg; 300mg	Viên nang, uống	Viên	250,000

3	3	Cao khô Diệp hạ châu, Cao khô Nhân trần, Cao khô Cỏ nhọ nổi	100mg, 50mg, 50mg	Viên nang; Uống	Viên	250,000
4	3	Diệp hạ châu, Chua ngút, Cỏ nhọ nổi	1500mg+250mg+250mg	Viên, Uống	Viên	150,000
5	3	Actiso; Rau đắng đất; Bìm bịp biếc: (tương đương cao Actiso; cao Rau đắng đất; bột Bìm bịp biếc)	200mg; 150mg; 16mg	Viên nang, uống	viên	150,000
6	3	Cao đặc Actiso; cao đặc Bìm bịp biếc; cao đặc Rau đắng đất; Diệp hạ châu	400mg;400mg;400mg;400mg	Viên nang, uống	Viên	150,000
7	3	Bạch mao căn; Đương quy; Kim tiền thảo; Xa tiền tử; Ý dĩ; Sinh địa	80mg; 80mg; 320mg; 80mg; 40mg; 80mg	Viên, Uống	Viên	5,000
8	3	Kim tiền thảo, Nhân trần, Hoàng cầm, Nghệ, Bình lang, Chi thực, Hậu Phác, Bạch mao căn, Mộc hương, Đại Hoàng	1000mg; 250mg; 150mg; 250mg; 100mg; 100mg; 100mg; 500mg; 100mg; 50mg	Viên, uống	Viên	5,000
9	3	Cao Đặc Kim Tiền Thảo	600ng	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	20,000
2. Nhóm thuốc khu phong trừ thấp						
10	3	Mã tiền chế, Đương quy, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thỏ phục linh.	70mg, 70mg, 70mg, 60mg, 40mg, 80mg, 80mg, 100mg	viên nang, uống	viên	80,000
11	3	Độc hoạt + Tang ký sinh + Đỗ trọng + Ngưu Tất + Trinh nữ + Hồng hoa + Bạch chi + Tục đoạn + Bồ cốt chi	1g+1,5g+1g+1g+1g+1g+1g+1g+0,5g	Viên nang, Uống	Viên	60,000
12	3	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì, Tam Thất.	Bột mã tiền chế (tính theo Strychnin) 0,7mg, Hy thiêm 852mg, Ngũ gia bì chân chim 232mg, tam thất 50mg	Viên nang, Uống	Viên	65,000
13	3	Hy thiêm + Thiên niên kiện	5g + 0,25g	Viên hoàn cứng, uống	Viên	80,000
14	3	Hy thiêm, Ngũ gia bì chân chim, Bột Mã tiền chế	300mg, 100mg, 13mg	Viên hoàn cứng, Uống	Viên	80,000

15	3	Mã tiền chế, Độc hoạt, Xuyên khung, Tế tân, Phòng phong, Quế chi, Hy thiêm, Đỗ trọng, Dương quy, Tần giao, Ngưu tất	20mg; 12mg; 8mg; 6mg; 12mg; 6mg; 120mg; 16mg; 16mg; 12mg; 12mg	Viên hoàn cứng, uống	Túi	50,000
16	2	Mỗi gói 5g chứa: Cao đặc Tần giao (tương đương 1g Tần giao); Cao đặc Đỗ trọng (tương đương 1g Đỗ trọng); Cao đặc Ngưu tất (tương đương 1g Ngưu tất); Cao đặc Độc hoạt (tương đương 1g Độc hoạt); Bột Phòng phong; Bột Xuyên khung; Bột Tục đoạn; Bột Hoàng kỳ; Bột Bạch thược; Bột Dương quy; Bột Phục linh; Bột Cam thảo; Bột Thiên niên kiện.	0,1g (1g); 0,1g (1g); 0,15g (1g); 0,12g (1g); 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,5g; 0,4g; 0,4g; 0,4g.	Viên hoàn cứng, uống	Gói	30,000
3. Nhóm thuốc nhuận tràng, tả hạ, tiêu thực, bình vị, kiện tì						
17	3	Nha đam tử, Berberin clorid, Tỏi, Mộc hương; Cát căn	30mg; 63mg, 350mg, 250 mg; 100mg	Viên. Uống	Viên	10,000
18	3	Kha tử, Mộc hương, Hoàng liên, Bạch truật, Cam thảo, Bạch thược.	Kha tử, Mộc hương, Hoàng liên, Bạch truật, Cam thảo, Bạch thược.	Viên, Uống	Viên	5,000
19	3	Men bia ép tinh chế	4g/10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	76,000
20	3	Phòng đàng sâm, Thương truật, Hoài sơn, Hậu phác, Mộc hương, Ô tặc cốt, Cam thảo.	0,5g; 1,5g; 1g; 0,7g; 0,5g; 0,5g; 0,3g	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	2,500
21	3	Sử quân tử + Bình lang + Nhục đậu khấu + Lục thần khúc + Mạch nha + Hồ hoàng liên + Mộc hương	400mg + 200mg + 200mg + 400mg + 200mg + 400mg + 80mg	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	10,000
4. Nhóm thuốc an thần, định chí, dưỡng tâm						
22	3	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).	500mg, 700mg, 500mg, 100mg, 1000mg	Viên, Uống	Viên	100,000

23	3	Sinh địa/Địa hoàng, Nhân sâm/Dàng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, (Bá tử nhân), (Chu sa), (Cam thảo).	Bột hỗn hợp dược liệu (tương đương: Đương quy 72mg; Đan sâm 36mg; Dàng sâm 36mg; Bạch linh 36mg; Cát cánh 36mg; Táo nhân 72mg; Viễn chí 36mg) 324mg; Cao khô hỗn hợp dược liệu (tương đương: Cam thảo 36mg; Huyền sâm 36mg; Sinh địa 288mg; Ngũ vị tử 72mg; Bá tử nhân 72mg; Mạch môn 72mg; Thiên môn đông 72mg) 129,6mg	Viên nang, uống	Viên	100,000
24	3	Đinh lăng, Bạch quả	Cao khô lá bạch quả 20mg; Cao đặc rễ đinh lăng 10:1 (tương đương 1500mg đinh lăng) 150mg	Viên nang, Uống	Viên	200,000
25	3	Đương quy, Bạch quả	Đương quy, Bạch quả	Viên nang, Uống	Viên	100,000
26	3	Sinh địa ; Xuyên khung ; Đương quy ; Ích Mẫu ; Ngưu tất ; Đan sâm	400mg ; 400mg ; 500mg ; 200mg ; 300mg ; 200mg	Viên nang, Uống	Viên	50,000
27	3	Đương quy; Ích mẫu; Ngưu tất; Thục địa; Xích thược; Xuyên khung	1,5g; 1,5g; 1,5g; 1,5g; 0,75g; 0,75g	Viên, Uống	Viên	50,000
28	3	Hoàng kỳ; Đương quy vĩ; Xích thược; Xuyên khung; Địa long; Hồng hoa; Đào nhân	6g; 0,3g; 0,3g; 0,15g; 0,15g; 0,15g; 0,15g	Viên hoàn cứng, uống	Viên	50,000
29	3	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa).	(925mg : 500mg; 225mg; 100mg; 100mg) 450mg; 38mg; 61mg	Viên nang, Uống	Viên	50,000
30	2	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa	100mg 140mg 80mg 60mg 40mg 40mg 40mg	Viên nang, uống	Viên	30,000
5. Nhóm thuốc chữa các bệnh về phế						
31	3	Cao khô Lá thường xuân.	35mg/5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Óng	25,000

32	3	Bạch linh + Cát cánh + Tỷ bà điệp + Tang Bạch bì + Ma hoàng + Mạch môn + Bạc hà + Bán hạ chế + Bách bộ + Mơ muối + Cam thảo + Bạch phàn + Tinh dầu bạc hà	36mg + 68,25mg + 180mg + 125mg + 26,25mg + 48,25mg + 116,5mg + 83,5mg + 186,625mg + 81,25mg + 23,625mg + 8,25mg + 5mg	Dung dịch hỗn hợp/ nhũ dịch uống	Gói	5,000
33	3	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thực, Mẫu đơn bì, Cam thảo.(Dung tích ≥ 10ml)	0,45g; 0,3g; 0,45g; 0,2g; 0,2g; 0,2g; 0,1g	Dung dịch hỗn hợp/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ổng	10,000
34	3	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thực, Mẫu đơn bì, Cam thảo	Mỗi 350 mg bột dược liệu và 105,5 mg cao dược liệu quy về khô tương đương với: Mẫu đơn bì (vỏ rễ) 200 mg; Bạch thực 150 mg; Sinh địa 250 mg; Bối mẫu 200 mg; Cam thảo 100 mg; Huyền sâm 200 mg; Mạch môn 200 mg	Viên nang, uống	Viên	3,000
6. Nhóm thuốc chữa các bệnh về Âm, về Huyết						
35	3	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.	250mg	Viên nang, uống	Viên	5,000
36	1	Cao khô trinh nữ hoàng cung	500mg	Viên nang, uống	Viên	5,000
7. Nhóm thuốc chữa bệnh về ngũ quan						
37	3	Bạch tật lê, Bạch thực, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Đan bì/Mẫu đơn bì, Đương quy, Hoài sơn, Phục linh/Bạch linh, Thục địa, Sơn thù, /Sơn thù du, Thạch quyết minh/Thảo quyết minh, (Trạch tả).	0,64g; 0,24g; 0,32g; 0,24g; 0,24g; 0,24g; 0,24g; 0,24g; 0,24g; 0,24g; 0,32g; 0,32g	Viên hoàn cứng, Uống	Gói	50,000
38	2	Trạch tả + Thục địa + Thảo quyết minh + Hoài sơn + Hạ khô thảo + Hà thủ ô + Cúc hoa + Đương quy + Bột Đương quy	206mg + 206mg + 286mg + 247mg + 50mg + 221mg + 112mg + 90mg + 70mg	Viên nang, uống	Viên	50,000

Phụ lục 2: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số:...../TM-BVNS ngày 8 tháng 8 năm 2024)

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn

Chúng tôi là....., có địa chỉ tại....., mã số thuế..... Chúng tôi xin gửi tới Quý Bệnh viện bản chào giá các mặt hàng như sau:

STT	Mã hàng hóa	Tên Hoạt chất	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Số ĐK	Hiệu lực SDK	Nồng độ/HL	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhà SX	Nước SX	Giá KK	Ngày KK	ĐVT	Đơn giá	Giá trúng thầu (nếu có)	Giải trình lý do giá báo giá tăng đột biến so với giá trúng thầu (nếu có)
1																	

- Hiệu lực báo giá:.....
- Điều kiện thanh toán:.....
- Mới 100%, sản xuất từ năm:.....
- Chi phí vận chuyển, giao hàng:.....
- Thời gian giao hàng:..... ngày kể từ ngày nhận được thông tin gọi hàng.
- Địa điểm giao hàng: Tại Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn. Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Hòa, Phường Hải Hòa, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại liên hệ:.....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY